

Bản án số: 13/2021/DSST
Ngày: 17.5.2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 17.5.2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2020/TLST-DS ngày 30.11.2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2021/QĐXXST-DS ngày 30.3.2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2021/QĐST-DS, ngày 19.4.2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S. Địa chỉ trụ sở tại 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; chức vụ: Phó phòng giao dịch Sơn Trà theo văn bản ủy quyền số 3903/2019/GUQ-PL, ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP S và văn bản ủy quyền số 14.10/2020, ngày 14/10/2020 của Giám đốc - Chi nhánh Ngân hàng TMCP S (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 427/6 đường T, tổ 38, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 11/4/2018, bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H có ký với Ngân hàng TMCP S - PGD Sơn Trà Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1810100486 và Giấy nhận nợ số 01. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên Ngân hàng cho bà H vay số tiền 70.000.000đ với mục đích: Hoàn vốn tiêu dùng; Lãi suất thỏa thuận 8,5%/năm; Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số

kỳ trả nợ 36 kỳ; Kỳ hạn trả nợ 1 tháng/kỳ kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Kỳ trả nợ đầu tiên kể từ ngày 07/5/2018; các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 07 hàng tháng; kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại Hợp đồng này; số tiền trả mỗi kỳ 2.439.800đ, số tiền trả kỳ cuối 2.475.000đ, cùng ngày bà H nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng vay đến ngày 07/02/2020 bà H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 44.500.000đ, tiền lãi trong hạn 10.907.600đ. Kể từ ngày 08/02/2020 cho đến nay bà H đã không trả bất kỳ khoản nợ nào cho dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 11.4.2021, bà H còn nợ Ngân hàng các khoản gồm: Nợ gốc 25.500.000 đồng; lãi trong hạn: 7.209.532đ; lãi quá hạn 1.988.206đ; lãi chậm trả: 456.672đ; Tổng cộng 35.154.410đ. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị đơn bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H, mặc dù Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1810100486 và Giấy nhận nợ số 01, ngày 11/4/2018, bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H có vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 70.000.000đ với mục đích: Hoàn vốn tiêu dùng; Vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; lãi suất thỏa thuận 8,5%/năm; Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ 36 kỳ; Kỳ hạn trả nợ 1 tháng/kỳ kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Kỳ trả nợ đầu tiên kể từ ngày 07/5/2018; các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 07 hàng tháng; kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại Hợp đồng này; số tiền trả mỗi kỳ 2.439.800đ, số tiền trả kỳ cuối 2.475.000đ. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà H đã

thanh toán cho Ngân hàng được số tiền cả gốc và lãi đến ngày 07/2/2020 là 55.407.600đ. Kể từ ngày 08/02/2020 cho đến ngày 11/4/2021 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 25.500.000 đồng; lãi trong hạn: 7.209.532đ; lãi quá hạn 1.988.206đ; Lãi chậm trả: 456.672đ; Tổng cộng: 35.154.410đ.

[4] Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Tại đơn xét xử vắng mặt, Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nói trên đến ngày 11/4/2021 và tiếp tục tính lãi trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 12/4/2021 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1810100486 và Giấy nhận nợ số 01, ngày 11/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H là hợp đồng vay tín chấp không đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền để để tiêu dùng cá nhân và đã trả cho Ngân hàng được cả gốc và lãi đến ngày 07/02/2020 là 55.407.600đ, kể từ ngày 08/02/2020 cho đến nay bà H đã không trả bất cứ khoản nợ nào, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 11/4/2021 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 25.500.000 đồng; lãi trong hạn: 7.209.532đ; lãi quá hạn 1.988.206đ; Lãi chậm trả: 456.672đ; Tổng cộng: 35.154.410đ.

[6] Như vậy, căn cứ vào Điều 11 của Hợp đồng tín dụng thì bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm cam kết theo Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 35.154.410đ; trong đó tiền gốc: 25.500.000 đồng; lãi trong hạn: 7.209.532đ; lãi quá hạn 1.988.206đ; lãi chậm trả: 456.672đ (lãi tính đến ngày 11/4/2021) và còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 12/4/2021 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả $35.154.410đ \times 5\% = 1.757.720đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H.

Xử: Buộc bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 35.154.410đ (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi tư ngàn bốn trăm mười đồng); trong đó tiền gốc: 25.500.000đ; lãi trong hạn: 7.209.532đ; lãi quá hạn 1.988.206đ; lãi chậm trả: 456.672đ (lãi tính đến ngày 11/4/2021).

Bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 12/4/2021, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1810100486 và Giấy nhận nợ số 01, ngày 11/4/2018 đã ký với Ngân hàng TMCP S cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.757.720đ (một triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi đồng) bà Lê Thị Tôn Nữ Bích H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 802.000đ (tám trăm lẻ hai ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002421 ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hằng

